

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 538/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-5-2018

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Liêm

Bà Trần Thị Mai Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1610/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Bích P, sinh năm 1976; địa chỉ: xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975; địa chỉ: Đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, biên bản ghi nhận ý kiến; nguyên đơn là bà Phan Thị Bích P đã trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng của bà hạnh phúc nhưng một

thời gian sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về suy nghĩ và cách sống. Bà và ông D đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay cảm thấy hạnh phúc gia đình không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng là không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Trong quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Văn D có 01 con chung tên Nguyễn Phan Quế B, sinh ngày 17/03/2002. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Quế B vì từ trước đến nay bà là người trực tiếp chăm sóc cháu. Do có đủ điều kiện nuôi con nên bà P không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa bà P xác định hiện nay bà không còn tình cảm với ông D, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tiến hành tổng đạt, các văn bản tố tụng gồm: thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn D vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày cũng như yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo vụ án được đưa ra xét xử theo thời gian luật định quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo đúng quy định tại các Điều 208, Điều 175, Điều 177, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn năm 2001, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Bích P và ông Nguyễn Văn D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà P và ông D chung sống với nhau không hạnh phúc, hiện không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay bà P yêu cầu ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà

P. Giao con chung tên Nguyễn Phan Quế B, sinh ngày 17/03/2002 cho bà P nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu giải quyết; Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Bà Phan Thị Bích P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Ông D cư trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo kết quả thu thập chứng cứ số 224 của Công an phường 16, quận Gò Vấp). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1, khoản 2 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông D vắng mặt không lý do. Bà P có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Căn cứ quy định Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Bích P.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét yêu cầu của bà Phan Thị Bích P được ly hôn với ông Nguyễn Văn D; Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa bà P và ông D là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 57 quyền số 01/2001 ngày 16/5/2001 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận G.

[4] Căn cứ lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông D của Hội phụ nữ Phường M, quận G, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà P và ông D có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, suy nghĩ lẫn cách sống. Cả hai đã ly thân và không còn chung sống với nhau từ năm 2006 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông D cũng vắng mặt, qua đó thể hiện ông D không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ cả hai bên, nhưng từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến nay, Tòa án cũng đã tạo điều kiện về thời gian để bà P và ông D có thể tự hòa giải những mâu thuẫn với nhau nhưng không thành. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông D không còn khả năng hàn gắn, đời sống

chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Bích P đối với ông Nguyễn Văn D.

[5] Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phan Quê B, sinh ngày 17/03/2002. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét đến quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy từ trước đến nay trẻ Quê B chung sống cùng bà P. Ngoài ra nguyện vọng của trẻ Quê B cũng muốn được sống chung với bà P. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Phan Quê B cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật. Do có đủ điều kiện nuôi con nên bà P không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông D.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Bích P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Bích P, sinh năm 1976 được ly hôn với ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975.

Giấy chứng nhận kết hôn số 57 quyển số 01/2001 ngày 16/5/2001 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà P và ông D không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phan Quê B, sinh ngày 17/03/2002 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D do bà P không có yêu cầu.

Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết hoặc khi có lý do chính đáng một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Phan Thị Bích P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0028073 ngày 30/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Quận Gò Vấp;
- UBND phường M, quận G, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quốc Việt

